TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2023/DS-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Chung Kim Sang

- Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần N**;

Địa chỉ: số 198, đường T, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1978, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch R - Ngân hàng TMCP N chi nhánh tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Địa chỉ: số 89, đường 3, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

** Bị đơn:*

- Ông **Cao Hùng T**, sinh năm 1970 (vắng mặt);
- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khu vực B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng thương mại N chi nhánh Kiên Giang và ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L với nội dung chủ yếu như sau: Tính đến ngày 11/09/2022, tổng nợ khởi kiện là: 3.641.701.704 đồng (Nợ gốc: 3.600.000.000 đồng; nợ lãi 41.701.704 đồng).

Cụ thể hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 0123/21/BD02/RG, ngày 19/07/2021: Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng *(Bốn tỷ đồng)*. Ngày vay: 27/07/2021. Ngày trả cuối cùng: 27/07/2031. Hiện còn dư nợ đến ngày 11/09/2022: 3.641.701.704 đồng. *Trong đó:* Nợ gốc: 3.600.000.000 đồng. Nợ lãi: 41.701.704 đồng.

Biện pháp bảo đảm nợ vay:

Nhà và đất tại số 412 L, phường V, thành phố R, Kiên Giang.Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất số: BĐ 225103 do UBND thành phố Rạch giá cấp ngày 17/02/2011, biến động ngày 07/07/2021). Diện tích đất: 116,9 m2; diện tích sàn: 214,34 m2.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 0123B/21/BD02/RG, ngày 19/07/2021 được Công chứng ngày 19/07/2021 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/07/2021.

Tính đến nay khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng thương mại cổ phần N chi nhánh Kiên Giang đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông Cao Hùng T và bà Nguyễn Thị L trả số nợ trên nhưng cho đến nay vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/6/2023 là 3.997.792.628 đồng, trong đó vốn gốc 3.600.000.000 đồng, lãi suất là 397.792.628 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 26/6/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa ông Thảo, bà Lệ vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Căn cứ Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự và đưa những người này tham gia tố tụng đúng trình tự quy định.

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xác minh, thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 của BLTTDS.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sựu đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định pháp luật, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau: Căn cứ các Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông Thảo, bà Lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số 0123/BD02/RG ngày 19/7/2021, theo đó Ngân hàng cho ông T, bà L vay số tiền gốc 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, hình thức trả nợ: trả nợ gốc 03 tháng/kỳ với số tiền 100.000.000 đồng, trả lãi 01 tháng/kỳ, lãi suất trong hạn 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là bù đắp tiền xây, sửa nhà ở, mua nhà ở, mua đất ở.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L trả gốc cho Ngân hàng được số tiền 400.000.000 đồng. Phía ông T, bà L cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện, như vậy ông Thảo, bà Lệ đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc 3.600.000.000 đồng, lãi suất là 397.792.628 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 3.997.792.628 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng số 0123/BD02/RG ngày 19/7/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 0123B/21/BD02/RG ngày 19/7/2021.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 0123B/21/BD02/RG ngày 19/7/2021 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá ngày 20/7/2021. Căn cứ quy định tại Điều 317; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0123B/21/BD02/RG ngày 19/7/2021 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 25/6/2023 là 3.997.792.628 đồng (trong đó nợ gốc 3.600.000.000 đồng, lãi suất là 397.792.628 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về chi phí thông báo báo, đài: Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn phải nợp số tiền 1.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00001044, ngày 30/5/2023 của Báo Công Lý và số tiền 1.500.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số 220, ngày 19/5/2023 của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 3.997.792.628 đồng là: [72.000.000 đồng + (2% x 1.997.792.628 đồng)] = 111.955.852 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.418.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền gốc lãi của hợp đồng tín dụng số 0123/BD02/RG ngày 19/7/2021 tính đến ngày 25/6/2023 là 3.997.792.628 đồng (Ba tỷ chín trăm chím mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng). Ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0123/BD02/RG ngày 19/7/2021 kể từ ngày 26/6/2023 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 36, diện tích đất 116,9m^2; nhà ở diện tích xây dựng 102,35m^2, diện tích sàn 214,34m^2, móng BTCT, cột BTCT, sàn BTCT, tường gạch, mái tole, nền gạch ceramic; cấp 2, số tầng 2; tọa lạc tại số 412, đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất số BĐ 225103 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 17/02/2011 do ông Giang Xiếu H, bà Trần Thị T đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Cao Hùng T ngày 05/7/2021. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá ngày 20/7/2021.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất số BĐ 225103 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 17/02/2011 do ông Giang Xiếu H, bà Trần Thị T đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Cao Hùng T ngày 05/7/2021.

Về án phí: Ông Cao Hùng T, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 111.955.852 đồng (một trăm mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.418.000 đồng *(Năm mươi hai triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng)*, theo biên lai thu số 0004669 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND Tp. Rạch Giá;*
- *Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN